

## PHẨM 7: QUÁN HỮU TÌNH

Năm phẩm: Phương Tiện, Thanh Văn, Bồ-tát, Vấn Tật, Bất Tư Nghị nói về hạnh hay lợi ích. Còn phẩm này nói về chỗ được lợi ích. Sở rằng nói chỗ được lợi ích thì chấp có thật chúng sinh, nên nay phá chấp kia, chỉ rõ tất cả đều chẳng thật, chỉ có giả hữu tình để làm chỗ lợi ích, cho nên một phẩm này gọi là chỗ được giáo hóa. Quán nghĩa là quán xét, hữu tình tức cảnh chúng sinh được hóa độ. Trí tuệ phân biệt, chúng sinh được hóa độ, tuy có hóa độ nhưng chẳng phải thật có, nên gọi là quán hữu tình. Phẩm này nói rộng về việc ấy nên gọi là phẩm Quán Hữu Tình. Tuy phẩm này lại nói về hạnh thù thắng, nhưng chúng sinh được hóa độ là chủ, nên gọi là quán hữu tình; hoặc do quán hữu tình mà khởi thắng hạnh nên gọi chung là phẩm Quán Hữu Tình.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ, ngài Diệu Cát Tường... quán các hữu tình.*

Tán: Toàn phẩm được chia làm hai đoạn lớn:

1. Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi đáp để nói về hạnh Bồ-tát.
2. Thiên nữ đối đáp pháp chấp của Thanh văn.

Trong đoạn lớn thứ nhất thì đầu tiên quán sở hóa và sau đó là nói về hạnh lợi lạc. Trong phần quán sở hóa lại có hai:

1. Hỏi.
  2. Đáp.
- Đây là lời hỏi.

**Kinh:** *Vô Cấu Xưng nói... tất cả hữu tình.*

Tán: Đây là lời đáp. Có hai, Không Lý Nghĩa ghi: “Đầu tiên quán tục đế giả có hữu tình; kế đó quán chỗ chấp trước vốn không có hữu tình”.

Đây là văn đầu. Tánh y tha khởi như việc huyền, chỉ tương tự mà chẳng chân thật.

**Kinh:** *Lại ngài Diệu Cát Tường... quán uẩn thứ sáu.*

Tán: Không Lý Nghĩa ghi: “Ở sau nói quán chân đế vốn không có hữu tình”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Sau nói quán chỗ chấp trước vốn không có hữu tình”, văn có hai ý: Đầu tiên nói rộng về dụ để chỉ rõ không có, sau kết luận nghĩa trước, giải thích nguyên do là không. Trong phần đầu gồm có ba mươi ba câu, bản xưa chỉ có hai mươi chín câu. Đoạn này gồm mười câu đầu, tức là câu: “Như có người trí...” trở xuống là thuộc về dụ. Từ câu “Các Bồ-tát...” trở xuống là theo lời vấn nạn mà giải thích. Những ý khác thì dễ biết. Quán mé trước như bọt nước tụ mà có, mé trước vốn không, vì xưa nay không.

**Kinh:** Quán căn thứ bảy... các độc tham, sân, si.

Tán: Đoạn này gồm mười câu. Tiếng Phạm Tát-đỏa, Hán dịch là hữu tình, tức nói sáu căn. Bản xưa do đó nói là tình thứ bảy, nay nói căn. Trong cõi Vô sắc có định cảnh sắc, không có Nghiệp quả sắc. Ở đây nói nghiệp quả sắc. Tát-ca-da kiến chung cho câu sinh phân biệt, quả Dự lưu trở lên không có phân biệt, chẳng phải là không có câu sinh. Kinh Lăng-già ghi: “Đức Phật bảo Đại Tuệ rằng thân kiến có hai loại là câu sinh và vọng tưởng; vọng tưởng tức phân biệt Tát-ca-da kiến”. Quán hữu thứ ba là nhất lai, người đạt quả Nhất lai lại có hai lần sinh, tức từ cõi trời sinh làm người, chỉ có hai lần sinh; đây là căn cứ theo nghĩa sinh Tiểu thừa, chẳng phải theo nghĩa sinh của Đại thừa. Quả bất hoàn, chẳng sinh vào Dục giới, nên không vào thai.

**Kinh:** Quán Bồ-tát đắc nhãn... chẳng sinh phiền não.

Tán: Đoạn này gồm mười câu. Bồ-tát Địa thứ tám trở lên gọi là đắc nhãn, vì nhãn được tương tục, cho nên không bỏn sẻn... Địa thứ bảy còn khởi tâm này vì lợi ích. Hoặc cho rằng Sơ địa trở lên được tánh giới, hoặc mới được nhãn, không có bỏn sẻn... Đệ tứ thiên trở lên không còn hơi thở ra vào hà hướng gì diệt định. Bán-trạch-ca, Hán dịch là tụyệt thế, tức là hoàng môn, tất cả gồm năm loại: Sinh tiện, trừ khử, tật đố, bán nguyệt, quán sái. Địa thứ tám trở lên tuy chưa đoạn tất cả phiền não nhưng vô lậu đã được tương tục; vì thiếu duyên nên phiền não chẳng sinh, do đó gọi là rốt ráo chẳng sinh phiền não.

**Kinh:** Quán cảnh mộng khi đã tỉnh dậy... sau có tương tục.

Tán: Đây là ba câu sau. Trong giấc mộng thấy cảnh, chưa biết là cảnh không, cho nên nêu lên khi đã thức quán cảnh mộng kia. Bậc vô học thì phần đoạn hậu hữu đều không, chẳng phải không có biến dịch.

**Kinh:** Như thế Bồ-tát... không có hữu tình.

Tán: Kết luận nghĩa đã nói ở trên, giải thích lý do của không. Không Lý Nghĩa ghi: “Trong Thắng nghĩa đế, các pháp vốn không, chẳng có hữu tình”; Ứng Lý Nghĩa ghi: “Biến kế sở chấp, các pháp đều không, không có hữu tình”.

**Kinh:** Bồ-tát Diệu Cát Tường nói... tu tập đại bi.

Tán: Đây là nói về hạnh lợi lạc. Gồm hai phần là:

1. Nói về hạnh lợi tha.

2. Hạnh tự lợi.

Phần thứ nhất gồm có bốn đoạn nói về bốn Vô lượng, mỗi mỗi đoạn đều có hai phần là hỏi và đáp. Đây là câu hỏi thứ nhất.

**Kinh:** Vô Cấu Xưng nói... rốt ráo an lạc.

Tán: Đây là lời đáp, có ba:

1. Nêu tổng quát.
2. Nói rộng.
3. Kết luận.

Đây là văn thứ nhất. Từ có ba như trước đã nói:

1. Vì hữu tình, duyên với hữu tình mà khởi gọi là hữu tình duyên từ.
2. Thuyết pháp như thế, duyên với pháp mà khởi, gọi là pháp duyên từ.
3. Ban cho niềm vui rất ráo, duyên với như mà khởi gọi là vô duyên từ.

**Kinh:** *Như thế Bồ-tát... lìa trong ngoài.*

Tán: Đây là nói rộng về từ, gồm ba mươi tám câu, phân làm hai, ba mươi câu đầu nói riêng về tu tập vô duyên từ, pháp từ và hữu tình từ, đây là theo thứ tự chứng đắc hơn kém. Tám câu sau là nói riêng về tu tập hữu tình từ, pháp từ và vô duyên từ, đây là căn cứ theo thứ tự trước sau của quán hành. Trong ba mươi câu đầu lại phân làm ba: Chín câu đầu nói về vô duyên từ, vì duyên chân như, mười một câu kế nói về tu pháp duyên từ, duyên pháp mà khởi, mười câu sau nói về tu hữu tình từ, duyên hữu tình mà khởi. Pháp duyên từ có hai:

1. Duyên với hữu tình đều không thật thể, chỉ có pháp năm uẩn mà ban cho niềm vui, nên gọi là pháp duyên.

2. Duyên với diệu pháp mà giáo lý hạnh quả đã có, gọi là pháp duyên từ.

Ở đây chỉ nói đến loại sau, chẳng nói đến loại trước. Ở đây cũng chỉ lấy tăng thượng làm sở duyên; như tu tập chánh pháp rồi ban cho chúng sinh, vì trước duyên với pháp cho nên gọi là pháp duyên từ, như duyên với hữu tình mà tu tập chánh pháp, trước duyên với hữu tình, cho nên gọi là hữu tình duyên từ. Cả hai hoặc gọi chung là pháp hữu tình duyên, vì cả hai đều có. Chân tục cùng quán, ba loại từ đều có, theo lý cũng không trái nhau. Bản xưa chỉ có hai mươi chín câu. Hai mươi bốn câu đầu giải thích riêng về vô duyên từ, pháp duyên từ và hữu tình duyên từ; năm câu sau giải thích riêng về hữu tình duyên, pháp duyên và vô duyên. Hai mươi chín câu đầu thì chín câu thứ nhất nói về vô duyên từ, chín câu kế nói về pháp duyên và sáu câu cuối nói về hữu tình duyên. Đây là nêu lên năm câu đầu. Tâm Từ vô duyên xa lìa năng thủ và sở thủ, cho nên tu tập tịch diệt; lìa sự nhiễu loạn của phiền não, cho nên tu tập không nóng đốt; lý ba đời đều như nhau, cho nên tu tập

như thật; không có nhân đẳng khởi, cho nên tu tập không trái nghịch; có sự sinh khởi từ bình đẳng, vì đồng là hữu vi, có thuận có nghịch; chân như không có nhân, không có chỗ mê chấp, cho nên tu tập không trái nghịch; chân như không trong ngoài, cho nên tu tập không hai.

**Kinh:** *Tu tâm Từ không hủy hoại... đồng như hư không.*

Tán: Đây gồm bốn câu sau của vô duyên từ. Chân thì rất ráo trụ, cho nên tu không hủy hoại, vì không có thời gian hoại diệt. Bản xưa ghi: “Rốt ráo tận”, tức rốt ráo diệt tận các phiền não, cho nên thể chẳng hoại; hay duyên với ý lạc giống như kim cang, cho nên sở quán bền chắc khó phá. Tâm từ được tu tập gọi là tâm từ kiên cố. Chân tánh vốn tịnh, cho nên tu thanh tịnh. Chân như hư không, cho nên tu bình đẳng.

**Kinh:** *Tu tâm Từ A-la-hán... không nghĩ ngơi.*

Tán: Từ đây về sau là mười một câu, nói về tu pháp duyên từ, được chia làm ba: Ba câu đầu nói về ba thừa; hai câu kế nói về hai thân pháp báo, sáu câu sau nói về quả vị. Đây là ba câu nói về tâm Từ của ba thừa. Tâm Từ A-la-hán, lược có ba nghĩa:

1. Giết giặc phiền não.
2. Không có phần đoạn sinh tử.
3. Đáng được nhận của cúng dường quý báu.

Ở đây nói theo nghĩa thứ nhất. Chỉ riêng chứng Bồ-đề cho nên chẳng cầu thầy, chẳng cần trò, chẳng thể lợi cho người, nuôi dưỡng đệ tử. Hai hạnh của Bồ-tát làm lợi lạc chúng sinh cho nên duyên với hạnh của Nhị thừa mà khởi tâm từ.

**Kinh:** *Tu tâm Từ Như Lai... vì các hữu tình.*

Tán: Hai, đây là tâm Từ hai thân pháp và báo. Chân như là lý pháp của pháp thân Như Lai, báo thân gọi là quả vị Phật, hai thân khác nhau.

**Kinh:** *Tu tâm Từ tự nhiên... vì yêu ghét đã đoạn.*

Tán: Đoạn này gồm sáu câu nói về quả vị. Đây là ba câu đầu. Tại nơi quả thì tự tại bình đẳng biết các pháp, cho nên tu tự nhiên. Chánh giác và chân như bình đẳng, nên tu Bồ-đề. Vì tham sân vĩnh viễn đoạn, nên tu vô lậu.

**Kinh:** *Tu tâm Từ đại bi... vì quán tánh không.*

Tán: Đây là ba câu sau. Hiện phát Đại thừa, cho nên tu đại bi để lợi lạc chúng sinh. Quán đều vô ngã, cho nên tu vô tánh, nếu thấy có ngã thì khởi hoặc tránh (tranh luận phiền não). Vì quán pháp tánh không, cho nên tu không nhằm chán, nếu pháp tánh có thì liền có nhằm chán.

**Kinh:** *Tu tâm Từ pháp thí... khiến không tổn giảm.*

Tán: Sau đây là mười câu nói về tu hữu tình duyên từ, tức tu mười độ. Đoạn này có ba câu. Quyện tức là co rút lại, như người ban thí vật, lúc đầu thì mở tay ra, sau thì co nắm lại; pháp bỏn sẻn cũng như thế, đầu tiên thì cho, sau thì thôi không cho nữa, các văn khác tự có thể hiểu.

**Kinh:** *Tu tâm Từ tinh tấn... vì hiện biết pháp.*

Tán: Đoạn này gồm ba câu. Chẳng đấm trước mũi vị thiền gọi là không ái vị. Luôn thành tựu chủng trí gọi là hiện biết pháp, đều là vì hữu tình, nên gọi là hữu tình duyên từ.

**Kinh:** *Tu tâm Từ phương tiện... tánh tướng các pháp.*

Tán: Đoạn này gồm bốn câu. Do có phương tiện khéo léo, nên không việc gì mà không lợi lạc, vì thế gọi là các môn, thị hiện khắp tất cả, mà tu tâm Từ phương tiện. Do mười nguyện lớn dẫn phát mà tu tâm Từ diệu nguyện để cứu giúp chúng sinh, vì thành tựu các việc lợi lạc, cho nên tu đại lực; thấu suốt pháp tánh để khai ngộ chúng sinh, cho nên tu trí độ. Nhã-na gọi là trí, tức trí ba-la-mật.

**Kinh:** *Tu tâm Từ thân thông... vì các hữu tình.*

Tán: Đoạn này gồm tám câu, nói riêng về tu tập hữu tình duyên, pháp duyên và vô duyên từ. Hai câu đầu nói về hữu tình, năm câu kế nói về pháp duyên, một câu sau nói về vô duyên. Đoạn này là nói về hữu tình duyên. Vì chẳng hoại chân như tánh của các pháp, là nhân của pháp tướng, cho nên tu thân thông. Tuy hiện thân thông, biến hiện các việc, mà chẳng làm hoại tánh tướng của các pháp.

**Kinh:** *Tu tâm Từ không chấp trước... vì lìa cấu uế.*

Tán: Đoạn này gồm năm câu nói về tu pháp duyên từ. Tâm không bị chướng ngại và không nhiễm ô cho nên tu không chấp trước. Vì ý lạc thanh tịnh cho nên gọi là không kiêu mạn, trá ngụy. Vì gia hạnh thanh tịnh nên gọi là không xiểm khúc, vì mọi việc chẳng hư giả nên gọi là không luống dối. Tâm không dơ uế cho nên tu thâm tâm. Hà tức là vết trầy xước trên viên ngọc, bệnh của ngọc. Tuy tướng bên ngoài là thiện, nhưng nội tâm có cấu nhiễm, nên gọi là hà uế.

**Kinh:** *Tu tâm Từ an lạc... vì sự an lạc.*

Tán: Đây là một câu nói về vô duyên từ. Sự an lạc vốn chỉ là chân như. Bản xưa, trong năm câu nói về hữu tình duyên, pháp duyên và vô duyên sau, thì một câu nói về hữu tình, ba câu nói về pháp duyên và một câu nói về vô duyên.

**Kinh:** *Thư ngài Diệu Cát Tường... tu nơi đại Từ.*

Tán: Đây là lời kết luận.

**Kinh:** Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: ... tu đại bi.

Tán: Đây là câu hỏi thứ hai.

**Kinh:** Vô Cấu Xung nói... tu đại bi.

Tán: Đây là lời đáp thứ hai. Ban phát vật của mình mà không bỏn sẻn, để nhỏ trừ các khổ mà người hiện đang phải nhận chịu, cho nên gọi là đại bi. Vì thực hành tâm này rất rộng lớn, không tham tiếc không bỏn sẻn, gọi là đại bi, vì chỉ chuyên ban vui cho người.

**Kinh:** Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: ... tu đại Hỷ.

Tán: Đây là câu hỏi thứ ba.

**Kinh:** Vô Cấu Xung đáp... tu đại Hỷ.

Tán: Câu trả lời thứ ba. Làm việc lợi ích mà không hối tiếc, vì khéo sinh niềm vui; không chỉ khuyên cho người vui mà gọi là Hỷ.

**Kinh:** Bồ-tát Diệu Cát Tường nói... tu đại Xả.

Tán: Đây là câu hỏi thứ tư.

**Kinh:** Vô Cấu Xung đáp... tu đại Xả.

Tán: Câu trả lời thứ tư. Trong đó thực hành tâm xả và gồm cả bình đẳng, chẳng mong cầu báo đáp; không chỉ khuyên xả bỏ điều ác mà gọi là Xả.

**Kinh:** Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi... nên nương vào nơi đâu?

Tán: Từ đây về sau là nói hạnh tự lợi, có mười đôi hỏi đáp xoay vần phát sinh. Đây là câu hỏi thứ nhất. Bồ-tát trước mười Địa, vào sinh tử giáo hóa chúng sinh, nếu có sợ hãi thì nên nương vào đâu? Còn Bồ-tát Thập địa thì không sợ khổ sinh tử.

**Kinh:** Vô Cấu Xung đáp... đại ngã của chư Phật.

Tán: Đây là lời đáp. Đại ngã của chư Phật là đại Niết-bàn. Ngã trong bốn đức gọi là đại ngã, trụ mà vô trụ, gọi là chánh y trụ.

**Kinh:** Lại hỏi: Bồ-tát... trụ trong giải thoát.

Tán: Câu hỏi đáp thứ hai. Khi chân như xa lìa phiền não thì giả danh là giải thoát, thể của giải thoát là trạch diệt vô vi.

**Kinh:** Lại hỏi: Muốn trụ... trừ phiền não.

Tán: Câu hỏi thứ ba. Cần phải trừ sự trói buộc vì thân giải thoát.

**Kinh:** Lại hỏi: Muốn trừ... quán xét tác ý.

Tán: Câu hỏi đáp thứ tư. Lý tức đạo lý chân như nhị đế, thuận với đây mà tác ý, gọi là như lý tác ý, thể của nó là tư tuệ.

**Kinh:** Lại hỏi: Muốn tu... chẳng sinh chẳng diệt.

Tán: Câu hỏi đáp thứ năm.

**Kinh:** Lại hỏi: Pháp gì... pháp thiện chẳng diệt.

Tán: Câu hỏi đáp thứ sáu. Đoạn ác tu thiện, gọi là chẳng sinh diệt;

vì tư duy, khởi sự tu tập chân chánh này.

**Kinh:** *Lại hỏi: Thiện... lấy thân làm gốc.*

Tán: Câu hỏi đáp thứ bảy. Vì có thân cho nên thiện và bất thiện sinh; tất cả đều nương gá mà khởi, chẳng phải nhân đó mà cảm gốc.

**Kinh:** *Lại hỏi: Thân... dục tham làm gốc.*

Tán: Đây là câu hỏi đáp thứ tám, nêu lên nhân nhuận sinh cận vật và ái ở cõi Dục, cho nên chỉ nói dục tham do si.

**Kinh:** *Lại hỏi: Tham... phân biệt là gốc.*

Tán: Đây là câu hỏi đáp thứ chín. Do chấp tâm hư vọng phân biệt, cho nên dục tham sinh.

**Kinh:** *Lại hỏi: Hư vọng... điên đảo tưởng sinh.*

Tán: Đây là câu hỏi đáp thứ mười. Đảo tưởng tức cảnh. Do có cảnh điên đảo nên vọng tâm sinh. Vì thế, luận ghi: “Loạn tưởng và loạn thức, nên chấp nhận là sắc thức và phi sắc thức. Như vô dư cũng không”. Bản dịch xưa nói đảo tưởng là hình tượng điên đảo do tâm phân biệt sinh.

**Kinh:** *Lại hỏi: Đảo tưởng... vô trụ làm gốc.*

Tán: Câu hỏi đáp thứ mười một. Vô trụ tức chân như. Do mê chân như nên cảnh điên đảo sinh.

**Kinh:** *Bồ-tát Diệu Cát Tường nói... tất cả các pháp.*

Tán: Câu hỏi thứ mười hai. Chân như không gốc, vì chẳng do pháp khác sinh, cũng chẳng có chỗ trị, lại chẳng có chỗ y cứ. Từ gốc này mà lập tất cả pháp. Tánh nhiệm ô thì mê liền sinh, tánh đã tịnh thì phát ngộ, cho nên duy thức nói đó là chỗ y cứ của mê ngộ. Gọi lập tất cả pháp, chẳng phải là nói hay sinh ra. Đó nghĩa của ứng lý; Không Lý Nghĩa ghi: “Vô trụ tức chân như tánh không, cũng là căn bản của hai pháp mê ngộ. Vả lại nhân duyên tánh không, từ tánh không mà sinh tất cả pháp, cho nên nói từ vô trụ lập tất cả pháp. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Nếu ngoại đạo nói hay sinh tất cả, thì chân như của ta chẳng phải là hay sinh, chỉ là sở y của pháp, cho nên nói từ vô trụ lập tất cả pháp mà chẳng nói sinh”. Trong kinh nói tâm tạo tất cả, đó là tâm nhân duyên, chẳng phải là tâm pháp tánh. Cho nên không trái nhau. Pháp tánh chẳng phải là năng khởi, vì sao mà nói là năng tạo tác được?

**Kinh:** *Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xưng... các đại Thanh văn.*

Tán: Phần thứ hai của phẩm nói về Thiên nữ đối đáp phát dương phá chấp của Thanh văn. Toàn văn gồm có ba phần:

1. Thiên nữ rải hoa.
2. Ngài Thu Tử hỏi đáp.



3. Ngài Vô Cấu khen ngợi. Trong phần đầu lại có ba:

1. Hoan hỷ rải hoa.
2. Dính và không dính.
3. Hỏi đáp để phá chấp.

Đây là đoạn thứ nhất. Nói bản trụ tức để hiển thị Thiên nữ chẳng cùng đến chung với ngài Cát Tường. Thiên nữ, tức là vị Bồ-tát Địa thứ tám, thị hiện làm thân Thiên nữ. Cho nên cuối phẩm ghi: “đã đạt được trí tuệ du hý thần thông, chứng vô sinh nhẫn, đối với đạo giác ngộ vô thượng, vĩnh viễn không còn thoái chuyển. Thừa sức bản nguyện, tùy sự ưa thích mà thành tựu tất cả hữu tình. Cho nên biết đó chẳng phải là phàm phu, quý, thần... nhưng vì người nữ nhiều từ ái, tâm thương xót nhớ nghĩ sâu nặng, được lợi ích sâu kín, dùng phương tiện để cứu giúp hữu tình; hướng hồ lại muốn giáo hóa hàng Thanh văn khiến họ xa lìa nhân trước nên thị hiện việc rải hoa để trợ giúp cho năng lực của ngài Vô Cấu, vì thế mà hiện thân nữ, chẳng hiện tướng nam. Đã là hóa hiện thì chẳng nhất định là vị trời nào. Nhưng căn cứ theo sự đoan nghiêm thù thắng của thân, thì đó là Thiên nữ ở cõi Tha hóa. Khi trước thất của ngài Tịnh Danh trống không, nên ẩn hình, bây giờ vì đã thuận lợi cho việc giáo hóa, cho nên hiện thân. Thiên nữ rải hoa, hoa có nhiều mùi hương thơm lạ, để nhiệm tâm của phàm tục thế gian, đó là muốn nêu lên hàng Thanh văn, còn chấp trước. Bồ-tát thì đã xa lìa, cho nên mới rải hoa. Vả lại hoa ở Am viên hôi, gặp hương thơm của hoa trời, thì liền có khả năng nở đẹp và tươi tốt, mai sau sẽ kết quả, cho nên chỉ rải hoa mà không rải những vật khác.

-----